

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 5 năm 2019
V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Ngọc Viễn.
2. Bà Nguyễn Thị Hơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 117/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 04 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: Số A, ấp C, xã T, Tp M, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Kim B**, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: Số A, ấp C, xã T, Tp M, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt bà H, vắng mặt ông B)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 20/02/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Bà và ông Nguyễn Kim B kết hôn năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, TP M, tỉnh Tiền Giang vào ngày 26/01/2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với gia đình bên chồng tại địa chỉ số H, đường G, Phường S, TP M, tỉnh Tiền Giang. Đến năm 2012 thì vợ chồng về ở tại địa chỉ số A, ấp C, xã T, Tp M, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến thời điểm về nơi ở mới được một năm thì ông B có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Vì thương chồng, thương con nên bà cố gắng chịu đựng, tìm cách khuyên ngăn hàn

gắn hạnh phúc. Ông B cũng đã khắc phục và quay về với vợ con. Tuy nhiên thời gian gần đây bà phát hiện ông B tiếp tục có quan hệ với người khác. Bà không chịu đựng được nên đã sống ly thân với ông B từ đầu năm 2018 đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Kim B.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim N sinh ngày 19/8/1997 và Nguyễn Thị Kim Y, sinh ngày 12/06/2005. Đối với cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Y, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Kim B đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng vẫn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà H.

* Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thanh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông B, về con chung giao cháu Nguyễn Thị Kim Y, sinh ngày 12/6/2005 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Kim B kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 02, quyển số 01, ngày 26/01/2000. Ngày 20/02/2019 bà H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông B đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 85 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Bị đơn ông Nguyễn Kim B đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có mặt để dự phiên tòa mà

không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Kim B được Ủy ban nhân dân xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật, xác định hôn nhân của bà H và ông B là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc. Đến năm 2012 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông B có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà H đã nhiều lần khuyên ngăn, cố gắng níu giữ hạnh phúc gia đình. Ông B có khắc phục quay về với vợ con. Tuy nhiên thời gian gần đây bà H phát hiện ông B tiếp tục có quan hệ tình cảm với người khác nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2018 đến nay.

Xét thấy, từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, Tòa án đã triệu tập ông B đến để tham dự phiên tòa, nhưng ông B vắng mặt không có lý do, nên không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Việc ông B không đến dự phiên tòa là mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Hiện tại bà H trình bày không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống đời sống vợ chồng với ông B nên đã nộp đơn ly hôn và tại phiên tòa vẫn cương quyết ly hôn, cho thấy đời sống vợ chồng giữa bà H và ông B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H theo quy định tại Điều 89, Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông bà có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 19/8/1997 và Nguyễn Thị Kim Y, sinh ngày 12/6/2005. Cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, bà H yêu cầu giao con chung là cháu Y cho bà được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Y hiện nay đã trên chín tuổi, đang trực tiếp chung sống với bà H và cũng có nguyện vọng muốn được chung sống với mẹ, nên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn của bà H là phù hợp với quy định tại Điều 92 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không có yêu cầu. Ông B có quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở ông B thực hiện quyền này.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 9, 11, 85, 87, 89, 92, 93, 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với ông Nguyễn Kim B;

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kim Y, sinh ngày 12/6/2005 cho bà Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Kim B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông B có quyền thăm nom con, không ai được cản trở ông B thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 93 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013828 ngày 26/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- Dương sự;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Trần Thị Thúy Hằng

